

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 173/2021/DS-PT

Ngày: 24 - 12 - 2021

“V/v tranh chấp Đòi lại tài sản là quyền  
sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản  
khác gắn liền với đất”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan

*Các Thẩm phán:* Bà Võ Bích Hải

Bà Hà Thị Phương Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Trang – Thư ký Tòa án nhân dân  
thành phố Cần Thơ

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:** Ông Nguyễn  
Văn Phi - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 24 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố  
Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2021/TLPT- DS  
ngày 24 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp “Đòi lại tài sản là quyền sử dụng  
đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 45/2021/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2021  
của Toà án nhân dân quận C bị bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên  
quan Nguyễn Ngọc M kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 229/2021/QĐ-PT  
ngày 30 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: số 41E/4 đường B, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thái T, bà Nguyễn Ngọc H, bà  
Dương Thị Y. Văn bản ủy quyền ngày 08/11/2020.

Bà Nguyễn Ngọc H có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1968. *Có mặt.*

Địa chỉ: Số O19, đường số 44, khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Văn H - Văn phòng luật sư Nguyễn Văn H thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. *Có mặt.*

4. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

4.1. Ủy ban nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ. *(Có yêu cầu không tham gia tố tụng).*

4.2. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1939. *(có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).*

Địa chỉ: số 41E/4 đường B, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

4.3. Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1967. *Có mặt.*

Địa chỉ: Số 191B, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thanh T là chủ sử dụng hợp pháp phần đất và nhà tọa lạc tại số O19 đường 44, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ (sau đây gọi tắt là nhà tại số O19), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04590, cấp ngày 13/02/2014, diện tích 70m<sup>2</sup>, loại đất ODT, thửa đất số 5493, tờ bản đồ số 1. Nguồn gốc tài sản là được tặng cho từ mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Th vào ngày 30/12/2013. Bà Nguyễn Thị Thanh L là chị ruột của bà T. Do bà L không có chỗ ở nên bà T có cho bà L ở nhờ trong căn nhà này. Việc cho ở nhờ chỉ thỏa thuận miệng. Đến khi có nhu cầu sử dụng nhà và đất này thì bà L cố tình không trả tài sản mà còn có thái độ không hợp tác, cố tình bao chiếm, trì hoãn không trả tài sản bà T khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà L phải trả lại nhà và đất tại thửa đất số thửa đất số 5493, tờ bản đồ số 1, diện tích 70m<sup>2</sup>, loại đất ODT, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04590, cấp ngày 13/02/2014.

\* Luật sư H trình bày thay bị đơn:

Ông Nguyễn Ngọc C và bà Nguyễn Thị Th có 05 người con là Nguyễn Thị Thanh L, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Thị Thanh H

(chết năm 2015), Nguyễn Minh M (chết năm 2005). Năm 2000 ông C mất không để lại di chúc. Di sản ông C để lại là căn nhà số 118/9/45C Đường T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ. Đến ngày 13/4/2009, bà Th có làm tờ cam kết là người đại diện đứng tên căn nhà này nhưng các con vẫn còn quyền thừa kế. Sau đó bà Th bán căn nhà 118/9/45C Đường T để mua căn nhà tại O19. Sau khi mua nhà thì bà Th chung sống cùng bà L trong căn nhà số này. Còn những người con khác thì có gia đình và sống riêng. Đến năm 2010 thì nguyên đơn đến đón bà Th về ở chung tại quận B. Năm 2019 thì nguyên đơn yêu cầu bà L trả lại nhà và đất. Do nhà và đất tại số O19 là tài sản có được do bán di sản của ông C để lại nên là tài sản chung của gia đình chưa chia nên việc bà Th tặng cho nguyên đơn là không đúng. Vì vậy bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Thành và nguyên đơn. Kiến nghị UBND thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền ở hữu nhà đã cấp cho bà T. Yêu cầu chia thừa kế tài sản này theo pháp luật.

\* Bà L thống nhất phần trình bày của Luật sư H.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc M trình bày: Thống nhất với ý kiến của bà L. Ông xác định căn nhà và đất tại số O19 là di sản chung chưa chia nên ông yêu cầu bà T có trách nhiệm trả cho ông số tiền 400.000.000đồng

\* Bà Nguyễn Thị Th có văn bản trình bày ý kiến như sau: Ngày 23/6/2009 bà có ký kết hợp đồng mua bán nhà ở số 495/HĐTĐC với Chi nhánh Công ty cổ phần XDCTGT 586 tại Cần Thơ (gọi tắt Công ty 586) để mua nhà ở và đất ở, kết cấu 01 trệt, 01 lầu xây hoàn thiện tại số O19. Ngày 08/6/2012, Ủy ban nhân dân quận C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Th. Ngày 06/3/2013 công nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà trên đất cho bà Th. Ngày 30/12/2013, bà Th tặng cho tài sản này cho con gái là bà T. Tài sản là sở hữu hợp pháp của bà và việc tặng cho là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, không trái pháp luật. Bà Th thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

\* Ủy ban nhân dân quận C yêu cầu không tham gia tố tụng trong vụ án, đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

Tại bản án số 45/2021/DS-ST ngày 29/04/2021 Tòa án nhân dân quận C đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T.

- Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh L phải di dời tài sản để trả lại cho nguyên đơn nhà và đất tại thửa đất số thửa đất số 5493, tờ bản đồ số 1, diện tích 70m<sup>2</sup>, loại đất ODT, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04590, cấp ngày 13/02/2014 đứng tên bà Nguyễn Thị Thanh T, nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số 019, đường 44, khu vực Thạnh Lợi, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

- Ghi nhận nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ cho bị đơn 20.000.000 đồng để di dời tài sản.

- Bị đơn có thời gian lưu cư là 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ nộp án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Bản án trên đã bị bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Nguyễn Ngọc M kháng cáo. Bà L kháng cáo yêu cầu nguyên đơn thanh toán phần giá trị di sản của ông C mà bà được hưởng là 365.000.000đồng đồng thời yêu cầu nguyên đơn hỗ trợ di dời với số tiền 200.000.000đồng. Ông M kháng cáo yêu cầu nguyên đơn thanh toán phần giá trị di sản của ông C mà ông được hưởng là 400.000.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc việc giải quyết vụ án đồng thời không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh L yêu cầu nguyên đơn có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 365.000.000đồng là phần giá trị bà được hưởng di sản của ông C để lại theo Tờ cam kết ngày 13/4/2009 của bà Nguyễn Thị Th; Ngoài ra, bà L còn yêu cầu nguyên đơn hỗ trợ di dời với số tiền 200.000.000đồng như nguyên đơn đã đề nghị tại Biên bản hòa giải ngày 26/4/2019 ở Khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Ngọc M yêu cầu nguyên đơn có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 400.000.000đồng là phần giá trị ông được hưởng di sản của ông C để lại theo Tờ cam kết ngày 13/4/2009 của bà Nguyễn Thị Th.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày, nguyên đơn không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn và ông M. Riêng đối với yêu cầu hỗ trợ di dời, phía nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ cho bà L số tiền 50.000.000đồng. Ngoài

ra, về địa chỉ của căn nhà tranh chấp là O19, đường số 44, khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. Tuy nhiên, trong phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên địa chỉ căn nhà là O19, đường số 44, khu vực Thạnh Lợi, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. Do đó, đề nghị cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho đúng để đảm bảo thi hành án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm Chủ tọa, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Tòa cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bà L và ông M kháng cáo yêu cầu bà T trả phần giá trị di sản mà các đương sự cho rằng nhận được từ ông C và yêu cầu được hỗ trợ là không có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của nguyên đơn tăng mức hỗ trợ di dời cho bị đơn từ 20.000.000 đồng ở cấp sơ thẩm lên 50.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện của đương sự nên ghi nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật TTDS năm 2015:

- Bác kháng cáo của bị đơn bà L và người liên quan ông M.
- Sửa bản án sơ thẩm theo hướng: ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn hỗ trợ cho bị đơn tiền di dời tài sản là 50.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn: Theo đơn kháng cáo và lời trình bày của bà Nguyễn Thị Thanh L tại phiên tòa hôm nay, bà L yêu cầu nguyên đơn có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 365.000.000 đồng là phần giá trị bà được hưởng di sản của ông C để lại theo “Tờ cam kết ngày 13/4/2009 của bà Nguyễn Thị Th”; Ngoài ra, bà L còn yêu cầu nguyên đơn hỗ trợ di dời với số tiền 200.000.000 đồng như nguyên đơn đã đề nghị tại Biên bản hòa giải ngày 26/4/2019 ở Khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

[1.1] Về yêu cầu nguyên đơn có nghĩa vụ trả cho bị đơn số tiền 365.000.000 đồng theo “Tờ cam kết ngày 13/4/2009 của bà Nguyễn Thị Th”.

Hội đồng xét xử xét thấy, Tờ cam kết ngày 13/4/2009 của bà Nguyễn Thị Th có nội dung cam đoan của bà Th như sau: “sau khi các con của tôi nhượng quyền thừa kế của cha, để cho tôi đứng chủ quyền căn nhà tại địa chỉ nêu trên (118/9/45C Đường T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ). Tôi sẽ chia lại phần thừa kế cho các con theo luật định”. Đây là cam kết của bà Th đối với các đồng thừa kế của ông C, không có nội dung xác định nghĩa vụ của bà T đối với các đồng thừa kế khác hoặc bà T có nghĩa vụ thay bà Th. Bà L, ông M cho rằng bà Th chưa thực hiện hoặc thực hiện không đúng cam kết thì có quyền khởi kiện yêu cầu bà Th thực hiện nghĩa vụ đối với mình. Về nguồn gốc căn nhà và đất tại số O19 được bà T xác lập quyền sở hữu dựa trên “hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất” ký kết ngày 30/12/2013 giữa bà Th và bà T, bút lục 116 - 119. Hợp đồng này, bà Th xác định ký kết với ý chí tự nguyện và việc tặng cho không kèm nghĩa vụ bà T phải trả tiền hoặc thực hiện nghĩa vụ trả tiền thay cho bà Th với người thứ 3. Do đó, bà L yêu cầu bà T phải trả cho bà số tiền 365.000.000 đồng theo “Tờ cam kết ngày 13/4/2009 của bà Nguyễn Thị Th” là không có cơ sở.

Tại phiên tòa bà L cho rằng, nguồn gốc căn nhà và đất tại số O19 có được là từ việc bán di sản của ông C để lại là tài sản chung chưa chia vì vậy bà cũng có phần sở hữu nên cũng có quyền được sử dụng. Tuy nhiên, bà L không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời thừa nhận của các đương sự thì di sản của ông C đã được các đồng thừa kế phân chia. Điều này được thể hiện tại Mục III thay đổi về chủ của Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc 30/96 do UBND tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp ngày 25/11/1996 cho ông Nguyễn Ngọc C, bà Nguyễn Thị Th, bút lục 48 - 51. Cụ thể, tại mục này, căn cứ vào “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo pháp luật số 38, quyền số 01/2009/TP/CC – SCC/HĐGD” được phòng công chứng số 01 ký ngày 24/4/2009, ngày 22/6/2009 Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận N, thành phố Cần Thơ xác nhận, bà Nguyễn Thị Th được hưởng 21/24 ; bà Trần Thị Hồng L và 02 cháu Nguyễn Thị Minh N, Nguyễn Thị Hồng M mỗi người được hưởng 1/24 di sản do ông Nguyễn Ngọc C để lại, căn cứ để. Tại “Văn bản tặng cho quyền hưởng di sản thừa kế theo pháp luật” ngày 13/4/2009, bút lục 168,169 cũng thể hiện, bà Nguyễn Thị Thanh H, ông Nguyễn Ngọc M, bà Nguyễn Thị Thanh L, bà Nguyễn Thị Thanh T đã tự nguyện nhượng quyền

hưởng di sản của ông C cho bà Th. Mặt khác, quá trình giải quyết các bên đều thừa nhận căn nhà 118/9/45C Đường T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ bán được với số tiền là 4.200.000.000đồng (bốn tỷ hai trăm triệu đồng). Căn nhà này là tài sản chung của bà Th và ông C, do đó chỉ tính riêng phần của mình trong khối tài sản chung này bà Th đã có 2.100.000.000đồng (hai tỷ một trăm triệu đồng), trong khi căn nhà tại số O19 bà Th mua với giá 510.000.000đồng (năm trăm mười triệu đồng). Như vậy, bà L không có chứng cứ gì chứng minh di sản của ông C chưa chia và nguồn gốc căn nhà O19 có được là từ tiền bán di sản của ông C nên lời trình bày của bà là không có cơ sở chấp nhận.

Ngoài ra, bà L còn cho rằng việc bà ở, sinh sống tại nhà và đất tại số O19 là hợp pháp vì có sự đồng ý của bà Th và có xác nhận đăng ký tạm trú của cơ quan có chức năng. Tuy nhiên, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04590, cấp ngày 13/02/2014 do bà Nguyễn Thị Thanh T đứng tên nên xác định đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà T, do đó bà T mới là người có quyền đồng ý cho ai sử dụng hoặc ở căn nhà của mình. Việc đăng ký tạm trú chỉ là thủ tục hành chính về việc quản lý dân cư của cơ quan chức năng đối với công dân cư trú trên địa bàn mình quản lý, không có giá trị chứng minh quyền sở hữu tài sản.

Từ những phân tích trên cho thấy bà L kháng cáo yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 365.000.000đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[1.2] Xét yêu cầu của bị đơn về việc hỗ trợ số tiền 200.000.000đồng như nguyên đơn đã đề nghị tại Biên bản hòa giải ngày 26/4/2019 tại Khu vực T, quận C, thành phố Cần Thơ. Hội đồng xét xử xét thấy, theo hồ sơ thể hiện không có Biên bản hòa giải ngày 26/4/2019 tại Khu vực T, quận C, thành phố Cần Thơ và tại phiên tòa bà L cũng không có cung cấp Biên bản này. Ngoài ra, việc hỗ trợ di dời là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, không phải là nghĩa vụ bắt buộc. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn hỗ trợ chi phí di dời với số tiền 200.000.000đồng là không có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện ủy quyền của bà T xác nhận bà T sẽ hỗ trợ chi phí di dời cho bà L với số tiền 50.000.000, đây là sự tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc M. Ông M cũng là một trong những đồng thừa kế phần di sản của ông C và đã đồng ý nhượng

quyền hưởng di sản của ông C cho bà Th. Do đó, việc bà Th cam kết với các đồng thừa kế và có thực hiện theo cam kết đó hay chưa, nếu có phát sinh tranh chấp thì đó là một tranh chấp về thừa kế. Mặt khác, như đã phân tích tại Mục [1.1], tờ cam kết ngày 13/4/2009 của bà Th không thể hiện nội dung nào buộc bà T phải thực hiện nghĩa vụ thay cho bà Th. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông M là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với đề nghị sửa chữa địa chỉ căn nhà và đất của phía nguyên đơn. Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử thấy rằng đề nghị này là phù hợp nên ghi nhận.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc M là không có cơ sở chấp nhận. Cấp sơ thẩm đã tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là căn cứ, đúng luật nên có cơ sở để Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, đại diện ủy quyền của bà T xác nhận bà T sẽ hỗ trợ chi phí di dời cho bà L với số tiền 50.000.000, số tiền này có thay đổi so với số tiền được ghi nhận trong bản án sơ thẩm nên cần điều chỉnh và sửa bản án sơ thẩm cho phù hợp. Việc sửa bản án sơ thẩm là do yếu tố khách quan, phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa một phần bản án sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh L, ông Nguyễn Ngọc M không được chấp nhận, do đó căn cứ vào Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà L, ông M mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng. Bà L, ông M được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.



1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh L, ông Nguyễn Ngọc M.

2. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 45/2021/DS-ST ngày 20/4/2021 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T.

- Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh L phải di dời tài sản để trả lại cho nguyên đơn nhà và đất tại thửa đất số 5493, tờ bản đồ số 1, diện tích 70m<sup>2</sup>, loại đất ODT, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04590, cấp ngày 13/02/2014 đứng tên bà Nguyễn Thị Thanh T, nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số O19, đường số 44, khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

- Ghi nhận nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ cho bị đơn 50.000.000 đồng để di dời tài sản.

- Bị đơn có thời gian lưu cư là 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận nguyên đơn tự nguyện chịu và đã nộp xong.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 005762 ngày 09/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh L, ông Nguyễn Ngọc M mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đồng. Bà L, ông M được chuyển số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số AA/2019/006878 ngày 12/5/2021, AA/2019/006877 ngày 12/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ thành tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND. TP. Cần Thơ;
- TAND quận C;
- Chi cục THADS quận C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Tuyết Loan**







Bà L, ông M kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ mới và không có cơ sở để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó kháng cáo của bà L, ông M là không có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, ông M. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện ủy quyền của bà T xác nhận bà T sẽ hỗ trợ chi phí di dời cho bà L với số tiền 50.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện của bà T nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần bản án sơ thẩm.